

TÌNH YÊU VÀ NHỮNG QUAN NIỆM, LUẬT TỤC VỀ TÌNH YÊU, HÔN NHÂN TRONG DÂN CA GIÊ TRIÊNG

TS. Lê Đức Tường; Ths. Y Cảnh

(Bài viết đã được đăng trên Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Văn học và giới do ĐHSP Huế và Tạp chí Nghiên cứu văn học tổ chức)

Tóm tắt:

Dân tộc Giê Triêng là cư dân bản địa Đông Nam Á, cư trú chủ yếu ở các tỉnh Kon Tum, Quảng Nam, Đông Nam nước Lào. Đây là một trong những dân tộc thiểu số có số lượng cư dân tương đối nhiều và là dân tộc có đời sống tinh thần phong phú, nhất là văn hóa dân gian, trong đó đặc biệt là dân ca. Dân ca Giê Triêng phản ánh nhiều mặt trong đời sống con người, cộng đồng. Bài viết bước đầu sưu tầm, ghi âm và nghiên cứu khái quát một số nét đặc trưng về tình yêu nam nữ và những quan niệm, luật tục về tình yêu, hôn nhân trong dân ca Giê Triêng.

Từ khóa: Giê Triêng, Dân ca, Dân tộc

I. Khái quát về đời sống sinh hoạt và dân ca Giê Triêng

Tộc người Giê Triêng có tên tự là Gié, Triêng, Ve, Bh'noong, ngoài ra, còn có tên gọi khác như: Giang Rẫy, Cà Tang, Ta Riêng, La Ve, Veh,... Mỗi tên gọi khác nhau hoặc gắn với thủ lĩnh hoặc gắn với địa danh cư trú. Người Giê Triêng cư trú ở 23/63 tỉnh thành trên cả nước với khoảng trên 60.000 người, Trong đó tập trung chủ yếu ở Kon Tum (hơn 30 ngàn), Quảng Nam (gần 20 ngàn). Người Giê Triêng nói 2 ngôn ngữ là tiếng Giê (Jeh) và tiếng Triêng (Tariang) cùng thuộc nhánh Bahnar của ngữ hệ Nam Á, chữ viết hình thành trong thời kỳ Pháp thuộc, cấu tạo bộ vần bằng chữ cái La-tinh.

1.1. Vài nét về đời sống sinh hoạt của tộc Giê Triêng

Người Giê Triêng sống theo Làng. Làng (*Plây, Bul*) của người Giê Triêng thường được dựng trên sườn núi cao thuận tiện cho nghề canh tác nương rẫy, săn bắn hái lượm. Mỗi làng đều có hội đồng già làng và người đứng đầu. Hội đồng già làng chịu trách nhiệm tổ chức chủ trì các buổi lễ làng, hôn nhân, tín ngưỡng, giải quyết mọi vấn đề diễn ra trong làng như xử phạt đối với những người vi phạm luật lệ của làng.

Lương thực chính của người Giê Triêng là gạo tẻ và gạo nếp kết hợp với các loại cây hoa màu như: sắn, ngô, khoai và các loại củ khác trong rừng. Đặc biệt từ nguồn lương thực, thực phẩm phong phú này người dân đã chế biến những món ăn đặc sản mang đậm phong vị địa phương mà các dân tộc khác không có được.

Trang phục của người Giê Triêng khá đơn giản. Nữ giới thường mặc váy ống dài và kéo dài tới nách nên họ không mặc áo. Đầu váy, giữa thân và gấu váy trang trí các sọc hoa văn màu đỏ trên nền chàm. Nam giới thường đóng khố, ở trần, khố mặc thường ngày ít trang trí hoa văn chủ yếu màu đen, chạy dọc chiều dài khố có viền đỏ đậm chần giữa viền chỉ trắng nhỏ.

Tín ngưỡng dân gian của người Giê Triêng là tính ngưỡng đa thần. Người Giê Triêng tin rằng xung quanh họ tồn tại rất nhiều lực lượng siêu nhiên, ngay cả trong bản thân họ cũng có thần. Thần tối cao mà họ tin tưởng và thờ phụng đó chính là Giàng (*Yang*). Xung quanh họ đều tồn tại các vị thần như thần đất, thần nước, thần lúa, thần mặt trăng, thần mặt trời, thần đá, thần cây,... Tín ngưỡng đa thần đã chi phối nếp sống, nếp

ngẫm, đã ăn sâu trong tiềm thức của nên mọi hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt của người Giẻ Triêng đều có lẽ cúng tế các vị thần mà họ tin tưởng.

1.2 Khái quát về dân ca Giẻ Triêng

Theo các già làng Giẻ Triêng và khảo sát của chúng tôi, dân ca Giẻ Triêng rất phong phú, có đến cả ngàn bài, tuy nhiên, việc sưu tầm, nghiên cứu còn rất hạn chế. Đến nay chỉ sưu tầm và dịch được 45 bài. Cụ thể: năm 2009, Nguyễn Thị Ngân và Tô Thị Thu Trang sưu tầm, ghi âm và dịch 7 bài⁽¹⁾; năm 2012, Sở VH TTDL đã sưu tầm và dịch được 12 bài⁽²⁾; đến năm 2016, chúng tôi ghi âm và dịch 26 bài. Thực tế dân ca Giẻ Triêng là dân ca "sống" chủ yếu tồn tại trong các sinh hoạt văn hóa cộng đồng thông qua diễn xướng. Quá trình điền giả và dịch các bài dân ca Giẻ Triêng, chúng tôi nhận thấy đây là một mảng văn học dân gian đặc sắc phản ánh nhiều mặt trong đời sống xã hội và cộng đồng; bày tỏ cảm xúc của con người trong tình yêu và hôn nhân; giải bày tư tưởng, tình cảm, niềm lạc quan yêu đời của con người trong lao động sản xuất.

Đối với người Giẻ Triêng, dân ca là món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống của họ. Dân ca hiện diện mọi lúc mọi nơi, đôi khi bên chén rượu cần thơm lừng, có lúc xung quanh ánh lửa hồng hay trên sàn nhà Rông. Trong kho tàng dân ca Giẻ Triêng, những bài ca về tình yêu đôi lứa là phổ biến hơn cả. Đó là những câu hát được cất lên thật bình dị, mộc mạc nhưng đậm thắm yêu thương như thay lời trái tim muốn nói.

II. Tình yêu nam nữ trong dân ca Giẻ Triêng

2.1. Những cung bậc tình yêu trong dân ca Giẻ Triêng

Trong kho tàng dân ca Giẻ Triêng, các bài ca về tình yêu đôi lứa chiếm gần hai phần ba. Đây là những lời ca hát bày tỏ ước vọng về tình yêu chân thành với những cung bậc từ niềm vui gặp gỡ, hẹn hò, đến sự nhớ nhung và cả nỗi buồn khi tình yêu tan vỡ.

Từ niềm vui hẹn hò, gặp gỡ với khát vọng về một tình yêu chân thành, bền lâu

Khi yêu, nam nữ người Giẻ Triêng tự do tìm hiểu và đến với nhau, chàng trai là người chủ động hẹn hò và ấn định thời gian thử thách để thăm dò tình cảm của cô gái:

Truh mắt ngay đàng (Lúc mặt trời đứng bóng)

Tình yêu đờh kê (Tình yêu cho bảo đảm.)

Truh mắt ngay vễi (Khi mặt trời quay đi)

Tình cam đờh đụn xui (Tình cảm cho lâu dài).

Và cô gái cũng chủ động khi chấp nhận thử thách của chàng trai và khẳng định tình yêu chân thành sẽ vượt qua mọi rào cản, nhất là thời gian chờ đợi. Cô gái bộc lộ niềm hân hoan, chờ đợi thời khắc được gặp gỡ người yêu:

Truh mắt ngay vễi (Khi mặt trời quay đi)

Au truh tằm me (Em sẽ đến với anh)

Truh mắt ngay lệp (Khi mặt trời khuất núi)

Au tayh hnoh tằm me (Em trò chuyện cùng anh)

Sau lần đầu hẹn hò và gặp gỡ chàng trai, cô gái đã ngày đêm mong nhớ, để đến lúc gặp lại chàng trai, cô đã thú nhận tình cảm của mình:

Dăm au ôi dăm (Anh ơi hồi anh,)

¹ Nguyễn Thị Ngân, Tô Thị Thu Trang (2009), *Tìm hiểu văn hóa người Giẻ Triêng*, Brâu, NXB VHDT, HN.

² Sở VH TT&DL Kon Tum (2012), *Tư liệu dân ca Giẻ Triêng*

Oh rluh dăm liep ngay (Em thương anh từng ngày.)

Dăm au ôi dăm (Anh ơi hồi anh,)

Oh rluh dăm liep mǎng (Em nhớ anh từng giờ.)

Tình yêu chân thành khiến con người có cách nhìn toàn diện hơn, tài năng là điều kiện cần nhưng tình cảm chân thành mới là điều kiện đủ để xây dựng hạnh phúc bền vững. Cô gái tin vào sự mạch bảo của trái tim, chọn chàng trai để cùng nhau làm ăn và xây dựng gia đình hạnh phúc:

Đe ló tan jong gǎp (Không biết đan giỏ cũng được,)

Au chóc dăm chú pé cha (Tôi lấy Dăm để làm ăn.)

Đe ló gó ching gǎp (Không biết đánh chiêng cũng được,)

Au chóc dăm chú pé Klo (Tôi lấy Dăm về làm chồng.)

Được lời như mở tấm lòng, chàng trai mượn chén rượu để bộc bạch tình cảm chân thành của mình với cô gái và mọi người trong gia đình cô:

Pleh jot tǎm nhieh kchuuc (Xin lỗi từ nhà bếp,)

Pleh jot tǎm bǎi khul (Xin phép từ gia đình.)

Ku koal au năng hót (Một ly tôi đã uống,)

Ku koal au năng bul (Một cốc tôi đã say.)

Bên chén rượu cần đầy ắp tình nghĩa họ cùng nhau khẳng định tình cảm lâu dài và tình yêu bền chặt không thay đổi, cùng hứa hẹn sẽ xây dựng hạnh phúc gia đình:

Tinh yeu đòh kây (Tình yêu cho bảo đảm,)

Tinh cam đòh đun xui (Tình cảm cho lâu dài.)

Đak toh xđài bǎi hót (Nước giọt ta cùng uống,)

Hnah ngam xđài bǎi bul (Rượu ngọt ta cùng say.)

Klòh bǎi hay năng klòh (Yêu mình cũng đã yêu,)

Chiu teo bǎi nh'ec nh'oc (Phải theo nhau mãi mãi.)

Tình yêu ban đầu bao giờ cũng đẹp, sự rung động của trái tim đang yêu và cảm xúc lần đầu gặp gỡ bao giờ cũng để lại ấn tượng khó quên. Khi yêu con người luôn mong muốn thời gian nói dài ra, khoảng cách rút ngắn lại, để họ được gần nhau nhiều hơn. Thế nhưng, cuộc gặp gỡ nào cũng đến lúc phải tạm chia xa, khi xa cách họ thể hiện nỗi nhớ thật da diết.

Đến nỗi nhớ nhưng khi xa cách

Nỗi nhớ là cung bậc cảm xúc được biểu hiện đa dạng và phong phú nhất khi yêu. Nam nữ gặp gỡ rồi hẹn hò trao gửi cho nhau những tình cảm chân thành và đắm thắm để đến lúc chia tay cô gái thể hiện sự nhớ nhưng chàng trai da diết, nỗi nhớ ấy được cụ thể khi cô gái nhắc đến anh Plet, chàng trai của buôn làng được mọi người khen ngợi là biết cách giao tiếp giỏi, ứng xử hay nói những điều hay lẽ phải với mọi người xung quanh:

Bâr ròm A Plet biét chú à hom (Miệng hay A Plet cất vào trong hòm,)

Nhó bâr ròm A Plet biét chú à thung (Nhớ miệng hay A Plet cất vào trong thùng.)

Lời yêu thương của chàng trai trao gửi được cô gái trân trọng và nâng niu cất giữ kín đáo “cất vào hòm, thùng”. Chiếc hòm, thùng không chỉ là nơi các cô gái lưu giữ kỉ vật của người yêu mà còn ẩn dụ chỉ trái tim đang yêu.

Nỗi nhớ người yêu khiến cô gái không tập trung vào công việc, mọi hành động như vô thức:

*Hao nông lét cú đẹ klôh hao (Trèo “nông lét” cũng không muốn trèo,)
Khai ơ au nhó mei xé ngay ki (Tôi nhớ anh Khai suốt ngày nay.)
Hao nông nháy cú đẹ klôh hao (Trèo “nông nháy” cũng không muốn trèo,)
Kel ơ au nhó mei xé ngay ki (Tôi nhớ anh Kel suốt ngày nay.)*

Trong cách xưng hô, người Giẻ Triêng tối kỵ khi gọi đích danh tên người yêu nên đôi trai gái yêu nhau thường hay dùng một biệt danh khác để xưng hô (gọi là Kau ché pom). Như vậy, tên anh “*Khai, Kel*” là cách gọi tên người yêu mà cô gái muốn thổ lộ.

Khi xa cách, sức mạnh của tình yêu tạo động lực khiến cô gái trở nên mạnh dạn giải bày tình cảm và nỗi nhớ cũng cụ thể hơn và đây cũng chính là lời bộc bạch chân thực như bản chất “ăn thẳng nói thật” của người Giẻ Triêng:

*Nhó pôih jau A Thiêng (Nhớ bắp chân A Thiêng,)
Thiêng bắc đu Pêng hu nau êh (Thiêng vượt qua “Pêng hu” một mình.)
Nhó blu jau A Thiêng (Nhớ đùi to A Thiêng,)
Thiêng bắc đu Pêng ôi nau êh (Thiêng vượt qua “Pêng ôi” một mình.)*

Từ nhớ mong da diết cô gái nhờ thần linh giúp đỡ để mình được trông thấy hình dáng người yêu chân thực và trọn vẹn để thỏa nỗi nhớ mong:

*Grâm teh tất kong Pêng pôt (Sét đánh đứt đôi “Pêng pôt”,)
Đôh xien dăm troa nung (Để được nhìn thấy chàng mặc quần.)
Grâm teh tất kong Pêng hu (Sét đánh đứt đường “Pêng hu”,)
Đôh xien dăm xấp krôh (Để trông thấy rõ chàng mặc áo.)*

Ngọn núi cao như một biểu tượng ngăn cách, che khuất bóng dáng người yêu thương. Đây không chỉ là tâm trạng của cô gái Giẻ Triêng, nó trở thành tâm trạng chung của cô gái Tây Nguyên được thể hiện trong lời bài hát:

*“...Núi cao chỉ lấm núi ơi,
Núi che mặt trời, che khuất người tôi yêu.
Thương anh em hát một mình chờ anh...”*

Chàng trai cô gái Tây Nguyên nói chung và Giẻ Triêng nói riêng khi yêu họ bộc lộ tình cảm và cảm xúc rất chân thành. Yêu bằng cả trái tim “cái bụng nghĩ gì thì miệng nói ra điều đó” và họ ghét những người “bụng không ưng nhưng miệng nói thích” coi đây là việc làm không tốt. Chính vì tình yêu chân thành sâu sắc, không nói sai điều mình nghĩ nên khi tình yêu không thành họ cũng bộc lộ nỗi đau và sự cay đắng, xót xa.

Và nỗi buồn khi tình yêu tan vỡ

Trong tình yêu của các chàng trai, cô gái Giẻ Triêng không ít chuyện tình tan vỡ do luật tục hoặc do thân thế gia đình. Trong nỗi đau vì tình yêu, hôn nhân tan vỡ, bao giờ người phụ nữ cũng là người chịu thiệt thòi. Họ bộc lộ nỗi buồn khi chia tay với tình cảm chân thành, nhưng không bi lụy và luôn giữ được phẩm giá của mình:

*H néch au lòn lòn (Thân tôi vẫn trắng hồng
Xé la đũa au chứ ták nâr (Tối nay tôi về đập phên nĩa)
H néch au lâh lâh (Thân tôi vẫn trắng muốt)
Xé la đũa au chứ ták pah (Đêm nay tôi về đập sần ván)
Nham au pat nahh nham (Khóc tôi vẫn cứ khóc)
Dăm chiu tạo pah ộ xò xó (Anh đã theo mấy mẹ không chồng)
Nhó au pat nahh nhó (Nhớ tôi vẫn cứ nhớ)*

Dăm chiu tọ pal ja ngọt ngọt (Anh đã theo mấy bà quá lú)

Dù phải chia tay, dù phải buồn nhưng người phụ nữ vẫn tự tin vào bản thân mình, đây là điều đáng trân quý:

Dăm tẻ au né bngài (Anh chê tôi cả người,)

Hlo Măng Tắt way ôn au né (Trai Măng Tắt vẫn hỏi tôi hết.)

Dăm tẻ au né mắt (Anh chê tôi cả mắt,)

Hlo Măng Sang way ôn au né (Trai Măng Sang vẫn xin tôi hết.)

Và hơn thế nữa, trước thái độ bạc tình, bạc nghĩa, người phụ nữ cảm thấy mình cũng không cần níu kéo tình cảm và cô gái quyết định ra đi không muốn làm vật cản đường. Điều này thể hiện sự bao dung và tấm lòng vị tha của người phụ nữ khi yêu:

Trei mei đẹ hon tộ (Vợ mà không lớn nữa,)

Đú chiu jah mei trei Dak Wak (Anh đi lấy người vợ Đăk Wak)

Trei mei đẹ nác tộ (Vợ mà không cao nữa,)

Đú chiu jah mei trei Dak Go (Anh đi lấy người vợ Đăk Gô)

Đú booc đum đú nhỏ (Anh trắng hồng anh nhớ,)

Jah mei trei Ca Tum tầm ji (Lấy mà vợ Cà Tum từ đó.)

Đú booc liem đú nhỏ (Anh trắng đẹp anh nhớ,)

Jah mei trei Ca Dong tầm ji (Lấy mà vợ Cà Đông từ đó.)

Nham au bắt nah nham (Khóc tôi vẫn cứ khóc,)

Dau ộ đẹ ló y lân (Do mẹ không vun đắp làm sao.)

Nhó au bắt nah nhỏ (Nhớ tôi vẫn cứ nhớ,)

Dau ộ đẹ tayh y lân (Do mẹ không chúc phúc chúng ta.)

Dân ca về tình yêu đôi lứa của người Giẻ Triêng thể hiện các cung bậc cảm xúc: Tình yêu bắt đầu bao giờ cũng lung linh khiến cho người trong cuộc chỉ thấy niềm vui, khi xa cách lại gợi nỗi nhớ da diết và đến lúc tình yêu vỡ tan chỉ còn lại nỗi buồn, cay đắng. Những bài ca về tình yêu nam nữ không chỉ chú trọng miêu tả sắc thái tình cảm và tâm trạng của nhân vật trữ tình mà thông qua chuyện tình yêu còn thể hiện rõ tính cách, bản chất, cuộc sống sinh hoạt thường ngày của người Giẻ Triêng. Đồng thời, những câu chuyện tình còn gắn với quan niệm, luật tục trong tình yêu và hôn nhân.

2.1. Những quan niệm, luật tục về tình yêu nam nữ trong dân ca Giẻ Triêng

Từ thực tế và trên cơ sở lời ca về tình yêu nam nữ, chúng tôi cảm nhận được một số quan niệm và luật tục độc đáo về tình yêu và hôn nhân tộc người Giẻ Triêng.

Thứ nhất, Trong 54 dân tộc Việt Nam, phong tục “*công củi cưới chồng*” là một trong những tục lệ cưới xin chỉ riêng có và độc đáo của người Giẻ Triêng. Khi đã đến tuổi hên hò, các cô gái Giẻ Triêng không chỉ biết đan chiếu, dệt vải mà họ còn phải biết đốn và chẻ củi. Người phụ nữ chọn cho mình vị trí đẹp để làm nơi xếp củi, đó là tín hiệu báo cho gia đình và họ hàng biết cô gái đang muốn bắt chồng. Nhìn vào bó củi bắt chồng, có thể đánh giá được phẩm giá của người phụ nữ Giẻ Triêng. Những bó củi thẳng, đều, đẹp chứng tỏ người con gái đó khỏe, khéo tay, siêng năng và đủ sức gánh vác công việc gia đình. Vì vậy, nếu tình yêu không thành, cô gái mặc dù nghẹn ngào, nhưng cũng rất chủ động đòi hỏi công sức công củi cũng như phẩm giá của mình:

Chăl chứ đừ l'oong pa páu (Trả về đây củi “pá páu”,)

Au đà ló đăng klo plây Cheng Luc (Để tôi đi tìm chồng Cheng Lúc.)

Chăl chữ đứ l'oong pa púc (Trả về đây củi “pá púc”),
Au ãa ló ãăng klo plây Cheng Kong (Để tôi đi tìm chồng Cheng Kong.)
Chăl chữ đứ l'oong xea côi (Trả về đây củi “xa côi”),
Klo Mang Re e jơ ãe tâl (Chồng Mãng Re có nhiều không thiếu.)
Chăl chữ đứ l'oong xea re (Trả về đây củi “xa re”),
Klo Mang Lon e jơ ãe tâl (Chồng Mãng Lon có nhiều không thiếu.)

Thứ hai, Từ những điều cấm kị và “giấc mơ phong tục” trong tình yêu đến luật lệ đên bù trong hôn nhân của tộc Giẻ Triêng.

Theo quan niệm của người Giẻ Triêng, khi chàng trai, cô gái đến tuổi cập kê được tự do yêu đương với điều kiện không vi phạm luật tục như: trái gái lấy nhau phải trải qua thời gian thử thách (một năm), không yêu người cùng dòng họ (nếu chưa trải qua bốn đời). Nếu vi phạm họ sẽ bị xử phạt theo luật lệ của làng hoặc sẽ bị đuổi ra khỏi làng. Tình yêu đó đi đến hôn nhân hay không còn phụ thuộc vào “giấc mơ phong tục” (*po tau jet hay*) của đôi trai gái:

Ngay ki, pãl kau Yang xien ke (Hôm nay, chúng ta nhờ thần linh chứng kiến),
Tãm ngay ki, pãh jah klo trei (Từ hôm nay, hai ta thành vợ chồng.)
Mãng ki, pãh po tau phol liem, (Đêm nay, hai ta thấy giấc mơ đẹp),
Ngay ãoh ngay mra, ãe mân ãeng tô. (Ngày mai này một, không kiêng cử nữa.)

Trong thời gian họ tìm hiểu nhau nếu chàng trai và cô gái có “giấc mơ đẹp” (*po tau phol liem*), tức là mơ thấy nước trong, cây cối xanh tốt, lúa mọc, bắp nảy mầm đó là điềm lành cho cuộc hôn nhân của họ. Ngược lại, mơ thấy nước đục, cây đổ là điều không may mắn có khả năng tình yêu của họ không tiến đến hôn nhân.

Người Giẻ Triêng rất coi trọng luật tục nhất là vấn đề liên quan đến nhân phẩm con người. Nam nữ khi đã ăn hỏi, ra mắt họ hàng nghĩa là họ gần như đã là vợ chồng. Nhưng trong khoảng thời gian này họ vẫn trải qua thử thách một năm, nếu một trong hai người thay lòng đổi dạ, phải đền bù cho người còn lại tám dò, Ka tu hay lớn hơn là trâu, bò tùy vào lời hứa hôn vì đã làm xấu hổ mặt nhau (*mãi mắt*). Vì vậy, khi chàng trai chia tay, cô gái đã khéo léo nhắc đến lời hứa hẹn ban đầu và cũng là lời nhắc nhở của luật tục:

Ap kau nau ô Vong (Mắt công gọi chị mẹ Vong.)
Du loi au th'ư pêl koong reng (Dãm bỏ tôi phải đền tám dò.)
Ap kau nau ô Veng (Mắt công gọi chị mẹ Vêng.)
Du loi au th'ư pêl tuk pứ (Dãm bỏ tôi phải đền Katu.)

Tâm sự, nỗi đau khi tình yêu không thành xuất phát từ quan niệm tình yêu chung thủy và hôn nhân bền vững. Người Giẻ Triêng quanh năm suốt tháng với nhiều lo toan vất vả, vì thế, quan niệm tình yêu gắn với hôn nhân hạnh phúc không chỉ xuất phát từ sự rung động của hai trái tim, mà còn là tình nghĩa giữa người với người để vượt qua khó khăn thử thách. Do vậy, trong hôn nhân của người Giẻ Triêng có tục “giao ước”, nếu một trong hai người đòi hủy hôn sẽ bị phạt một con trâu trắng hay chén vàng hoặc nhiều hơn thế. Tục “giao ước” như một lời khẳng định tình yêu bền chặt không thay đổi và hôn nhân chung thủy. Đây là truyền thống tốt đẹp đáng được gìn giữ của người Giẻ Triêng.

Thứ ba, Xét về giới tính, chúng tôi nhận thấy rằng, trong chuyện tình cảm nam nữ của người Giẻ Triêng, có hai điều khá thú vị và mang nét hiện đại. Một là, trong tình yêu và hôn nhân, người Giẻ Triêng luôn tôn trọng quyền tự do lựa chọn bạn đời của các thành

viên trong gia đình, nếu cuộc hôn nhân đó không vi phạm luật tục. Hai là, sự chủ động của cả người con trai lẫn con gái trong tình yêu và hôn nhân, nhưng người con gái chủ động hơn trong ý định và bộc lộ tình cảm. Sự chủ động của người con gái đến từ khi bắt đầu muốn hẹn hò (ám chỉ qua đồng cùi), chủ động từ trong sự nhớ nhung và khẳng định tình yêu cho đến nỗi đau khổ khi phải chia tay. Cô gái chủ động cả trong chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, không bận tâm đến thân thể và gia cảnh chàng trai, khẳng định tình yêu sẽ tạo nên sức mạnh thần bí giúp họ vượt qua khó khăn thử thách của cuộc sống:

Dãm au ôi dãm (Dãm của tôi ơi)
Au đẹ tẻ mei toi (Em chấp nhận anh nghèo)
Au cú toi xol mei (Em cùng phận như anh)
Dôh mra pǎh jah bǎl (Mai này ta lấy nhau)
Má bngai bray tayh tẻ (Khỏi người ngoài phân biệt.)

Và chủ động cả khi chia tay:

Bâng th'ư bâng bnau (Bỏ thì bỏ bây giờ,)
Au ch'ư đǎng mẹ au A Ngơi (Tôi về thăm anh tôi A Ngơi.)
Lơi th'ư lơi bnau (Bỏ thì bỏ bây giờ,)
Au ch'ư đǎng mẹ au A Cói (Tôi về thăm anh tôi A Cói.)

Từ sự chủ động trong tình yêu, hôn nhân của người phụ nữ, chúng tôi tìm hiểu thêm thì nhận thấy rằng, có lẽ cũng giống như một số dân tộc khác ở Tây Nguyên (Ê-đê, Ba-na, Gia-rai...), tộc Giẻ Triêng vẫn còn bảo lưu những đặc trưng của chế độ mẫu hệ. Đây là chế độ trong dòng họ và gia đình Tây Nguyên từ ngàn xưa, hình thành từ đặc điểm quần hôn nguyên thủy.

Thứ tư, Tuy quan niệm tình yêu hôn nhân mang nét hiện đại nhưng vẫn còn đó quan niệm về sự phân biệt giàu nghèo trong tình yêu và hôn nhân. Nhiều chuyện tình tan vỡ của người Giẻ Triêng không đơn thuần là do luật tục mà còn do sự phân biệt giàu nghèo trong quan niệm sống. Sự giàu nghèo là mối bận tâm của những đôi uyên ương. Đây là lời tâm sự trong “xấu hổ” vì gia cảnh nghèo của người con gái:

Dãm booc mut nhieh au (Dãm trắng vào nhà tôi,)
Ô chân pol hau maih mứ lah liem (Mẹ nấu cơm thóc, xấu hổ quá chừng.)
Dãm mih mut nhieh au (Dãm lớn vào nhà tôi,)
Ô chân pol đǎc kra maih mứ lah liem (Mẹ nấu cơm trấu, xấu hổ quá chừng.)
Xa Kham mút nhieh au (Xà Khâm vào nhà tôi,)
Ô chân muih ư maih mứ lah liem (Mẹ nấu bí đỏ, xấu hổ quá chừng.)
Xa Khur mút nhieh au (Xà Khứ vào nhà tôi,)
Ô chân muih đǎc maih mứ lah liem (Mẹ nấu bí trắng, xấu hổ quá chừng.)

Và đây là nỗi lòng của chàng trai mồ côi, nhà nghèo:

Oh au ôi oh (Nay của tôi ơi),
Kon toi khan arah (Con mồ côi thì sống khổ,)
Kon rạc ròi khan đẹ cheng (Con nghèo khó chẳng có gì)
Khul tẻ au arah (Gia đình sẽ chê tôi khổ)
Ngay dôh ngay mra (Sáng ngày mai mốt,)
Khul tẻ au rạc ròi (Gia đình chê tôi nghèo).
Ku xu đẹ e (Một xu không có,)

Ku hao đẹ e (Một hào cũng không.)

Chính quan niệm phân biệt giàu nghèo, dư luận đã gián tiếp chia cắt tình yêu của những người đang yêu:

Má mút nhieh Y Ton (Đừng vào nhà Y Ton,)

Khul Y Ton mau né tằm jic (Gia đình Y Ton lúa hết trên nương.)

Má mút nhieh Y To (Đừng vào nhà Y Tó,)

Khul Y Ton mau xit tằm jic (Gia đình Y Tó lúa sạch trên nương.)

Theo tìm hiểu của chúng tôi, quan niệm giàu nghèo của người Giẻ Triêng đã có từ xưa, nhiều tình yêu đắm nước mắt cũng xuất phát từ đây và hiện nay vẫn chưa có chuyển biến tích cực. Đây là quan niệm khá cổ hủ, cần phải điều chỉnh.

2.2. Tình yêu nam nữ trong dân ca Giẻ Triêng nhìn từ phương diện nghệ thuật.

Về nghệ thuật, cùng nguồn cội với dân ca Tây Nguyên, nhưng dân ca Giẻ Triêng vẫn mang dáng vẻ của riêng mình, khá độc đáo và có những nét đặc trưng từ hình thức, không gian diễn xướng, thể thơ, ngôn từ, cách gieo vần,...

Hình thức và không gian diễn xướng

Dân ca Giẻ Triêng có hai hình thức diễn xướng chính bao gồm: hình thức độc thoại và đối thoại. Độc thoại thường xuất hiện trong các bài hát khấn, người thuộc nhiều bài hát khấn nhất là thầy cúng. Khi trong nhà có cúng tế, gia chủ không thông thạo việc cúng tế nên phải mời thầy cúng (*Pờ dâu*), hay thầy mai mối để hát cúng. Vì thế, trong lời hát cúng lễ ăn hỏi, ông mai mối đóng vai đôi trai gái để khấn Giàng chứng giám cho hôn nhân của họ. Hình thức độc thoại dễ nhận biết nhất ở phần mở đầu của bài hát khấn, lời hát như một câu hỏi và trả lời (hình thức hỏi - trả lời):

Phơ....ơ ! (Phơ.....ơ!)

Ngay ki, pãh pé ngai? (Ngày nay, hai ta làm gì?)

Ngay ki pãh chóc che, chóc đoi (Ngày nay, hai ta lấy ché, lấy đoi)

Ngay ki, pãh phai se Yang, năm (Hôm nay, hai ta cúng Giàng, cúng thần)

Đối thoại là lối kết cấu đối đáp trong dân ca giao duyên và dân ca nghi lễ đám cưới của người Giẻ Triêng. Với lối kết cấu này, các bài hát sử dụng phép đối ý, đối lời đồng thời lối kết cấu này cũng đảm bảo cho sự hiện diện của diễn xướng, bởi vì về hình thức nó tồn tại hai phần đối – đáp; về nội dung, nó thỏa mãn nhu cầu trao đổi (giải bày suy tư – giải đáp, thắc mắc – giải đáp,...) của hai bên.

Hình thức đối thoại trong dân ca giao duyên chủ yếu người hát là nam và nữ. Bài ca giao duyên như một câu chuyện tình yêu mang cảm xúc trữ tình, lời đối thoại giữa đôi nam nữ như để “thăm dò” tình cảm của đối phương và cùng nhau tìm ra đáp án cho chuyện tình yêu của mình:

Hney: *Dãm au ôi dãm (Nữ: Anh ơi hỏi anh!)*

Oh nhớ mei xế ngay (Em thương anh từng ngày.)

Dãm au ôi dãm (Anh ơi hỏi anh!)

Oh nhớ mei xế mǎng (Em nhớ anh từng giờ.)

Hlo : *Oh au ôi oh (Nam: Em ơi hỏi em!)*

Oh má nhớ au (Em đừng thương nhớ tôi.)

Au đẹ ló tan jong (Tôi không biết đan giỏ,)

Au đẹ ló gó ching (Tôi không biết gõ chiêng.)

Hney: *Đẹ ló tan jong gǎp (Nữ: Không biết đan giỏ cũng được,)
Au chóc dǎm chú pẻ cha (Tôi lấy anh để làm ăn.)
Đẹ ló gó ching gǎp (Không biết đánh chiêng cũng được,)
Au chóc dǎm chú pẻ Klo (Tôi lấy anh về làm chồng.)*

Dân ca nghi lễ đám cưới cũng như trong dân ca giao duyên có những bài không bắt buộc phải đối ý, đối lời nhưng phải đảm bảo mạch cảm xúc, tâm tình tiếp nối của các lời hát.

Không gian diễn xướng trong dân ca Giẻ Triêng rất đa dạng có sự đan xen giữa không gian núi rừng và không gian sinh hoạt làng bản, gia đình.

Không gian núi rừng Tây Nguyên đi vào trong lời ca thật hùng vĩ nhưng cũng không kém phần thơ mộng và trở thành không gian nghệ thuật chứa đựng những cung bậc cảm xúc của con người.

*Ngay dǎm chiu pleng proih tó liem (Hôm anh đi vào trời thu nắng đẹp)
Hne Tay Nguyen hay kayh krây (Vùng đất Tây Nguyên chúng mình thiêng liêng)
Xá là thia a tǎp mô à tǎp hau (Hùng vĩ trùng trùng điệp điệp)
Bray pêng l'ooong la nreyh liem (Núi rừng cây lá luôn xanh tươi)
Jêng bǎr jeh bray, chem pǎr đayh (Tiếng thú rừng, đàn chim bay lượn hót líu lo)
Đǎk mẹt loh đayh l'óc l'éch mut trom hmo (Suối chảy róc rách luôn qua*

khe đá)

*Oh nhó truh chú ke ngay ng'ai (Em nhớ về kỉ niệm ngày nào)
Pǎh chiu bray chéc muih peh p'ǎng (Chúng mình lên rừng hái rau, bẻ*

măng)

Pǎh đing đing hvaih jêng bǎr chem bray (Vừa ca hát hòa nhịp với tiếng chim rừng.)

Không gian thiên nhiên không chỉ thể hiện qua vẻ đẹp của ánh nắng mùa thu dịu nhẹ, sự trùng điệp của núi non, màu xanh ngút ngàn của rừng cây, mà hòa vào vẻ đẹp hùng vĩ ấy là tiếng hót trong trẻo của những chú chim rừng. Bức tranh hài hòa có cả màu sắc, âm thanh và đường nét tạo không gian thiên nhiên thật thơ mộng và gợi cảm.

Không gian sinh hoạt làng bản, gia đình là nơi người Giẻ Triêng tổ chức hát dân ca mỗi khi gia đình, cộng đồng có sự kiện trọng đại. Khi gia đình có đám cưới, họ tổ chức hát tại nhà cô dâu hoặc nhà chú rể, dân làng tổ chức hát tại nhà Rông. Khi nam nữ tìm hiểu nhau, họ thường hát đối đáp với nhau vào những buổi tối trên sàn nhà Rông, ở ngôi nhà tạm của cô gái, tại nhà chàng trai hay nhà cô gái hoặc trên nương... Tất cả những nơi ấy trở thành không gian lí tưởng để con người trực tiếp bày tỏ tình cảm và tâm trạng của mình. Không gian sinh hoạt lúc này trở thành không gian tâm trạng của con người. Đây là tiếng khèn của chàng trai mời bạn tình nhóm lửa trong ngôi nhà:

Oh ơ, măng tẻ đề điép (Em ơi, trời lạnh lắm)

Klôh au th'ư choh un ngóoc xđài bǎl (Có yêu anh thì nhóm lửa lên ngôi cùng anh).

Và đây là tiếng hát của chàng trai cầu hôn trong nhà của cô gái:

Pleh jot tǎm nhieh kchuuc (Xin lỗi từ nhà bếp,)

Pleh ôn tằm bả khul (Xin phép từ gia đình.)

Ngôi nhà cũng là không gian sinh hoạt của gia đình với sự ước mong con cái khôn lớn khỏe mạnh, con cái sống hòa thuận đoàn kết nói cười vui vẻ, mọi công việc lớn bé vui buồn đều chia sẻ cùng nhau “cười vang nhà, nói rõ tiếng”, chuyện của một người cũng là chuyện mọi người trong gia đình.

Cát tha pãl jong chôi, ôi tha pãl jong chêu (Ngủ ngoan giường cói, nằm yên giường chiếu)

Lư tha pãl pà nưăng, nhăng tha pãl pà char (Chơi ở nhà Rông, đùa ở ngoài sân)

Ồok th'ì th'ay, tayh th'ì lắk (Cười cho vang nhà, nói cho rõ tiếng.)

Như vậy, không gian nghệ thuật diễn xướng trong dân ca Giẻ Triêng có sự đan xen giữa không gian thiên nhiên núi rừng với không gian buôn làng và gia đình. Điều này phản ánh đậm nét mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, con người trong mối quan hệ với gia đình và cộng đồng của người Giẻ Triêng.

Ngôn ngữ, thể thơ và cách gieo vần trong dân ca Giẻ Triêng

Hầu hết các bài dân ca Giẻ Triêng có ngôn ngữ trong sáng, giản dị nhưng giàu sức biểu cảm. Ở đó có sự kết hợp hài hoà lời ăn tiếng nói mang đậm bản chất của một dân tộc và ngôn ngữ mang tính nghệ thuật, đặc biệt là những ngôn từ biểu cảm, so sánh. Sau đây là những ví dụ tiêu biểu:

Để thể hiện sự giàu có của gia đình, khi hẹn hò, những cô gái Giẻ Triêng đã tự hào khoe với người con trai:

Dăm bóoc mut nhii au (Dăm trắng vào nhà tôi,)

Lép muih tar mắng đẹ né tằm đing (Ăn rau cả đêm không hết từ ống.)

Dăm liem mut nhii au (Dăm đẹp vào nhà tôi,)

Lép muih né xé đẹ né tằm đing (Ăn rau cả tối không hết từ ống.)

Cách nói “rau không hết từ ống” là cách nói ẩn dụ, rất dân dã, muốn khẳng định sự giàu có của gia đình. Ống, được làm từ cây lồ ô hay cây nứa, là vật dụng thường ngày của người Giẻ Triêng dùng để đựng nước uống hoặc chứa thức ăn.

Khi cô gái cảm nhận được tình cảm của chàng trai đã có sự thay đổi, cô nhắc đến lời hứa hôn :

Ô mei dú đắng ôn (Mẹ của anh đã xin,)

Dú pờ chia ng'ai ti ná mra (Anh từ chối làm gì tay phải.)

Ma mei dú đắng ôn (Cô của anh đã xin,)

Dú pờ chia ng'ai ti nh'eo (Anh từ chối làm gì tay trái.)

Từ ngữ “từ chối tay phải, từ chối tay trái” cũng là cách nói mang đậm tính dân gian của tộc Giẻ Triêng để diễn tả hành động “gạt phách tay” không quan tâm đến lời nói của cô gái, đồng thời thể hiện sự bội bạc của chàng trai. Điều này đồng nghĩa với việc tình yêu đã hết và tình nghĩa cũng không còn.

Trong các bài dân ca về tình yêu cả người Giẻ Triêng, chúng tôi thường thấy có những hình ảnh so sánh khá độc đáo. Chẳng hạn, vẻ đẹp và sự siêng năng nhanh nhẹn của người yêu được cô gái so sánh giống vẻ đẹp như chim Blác, chim Tul (đây là hai loại chim có lông màu nâu pha lẫn đốm trắng trên cổ rất đẹp); chim Teng (lông màu xanh, thân nhỏ như chim sẻ, đặc tính rất nhanh nhẹn), chim Choong (lông đen như chim sáo, mỏ màu vàng thường kéo về cả đàn vào mùa tuốt lúa trên nương):

Dăm ơi dăm, dăm liem heng (Anh anh ơi, anh đẹp quá chừng)
Xol chem Blác Xol chem Tul (Như chim Blác như chim Tul)
Dăm ơi dăm, dăm het heng (Anh anh ơi, anh siêng quá chừng)
Xol chem Teng dăm het Xol chem Choong (Như chim Teng anh siêng như chim Choong)

Hình ảnh được so sánh thật mộc mạc, giản dị gắn bó và gần gũi với đời sống con người, giúp ta nhận thức được mối quan hệ gắn bó giữa con người với thiên nhiên, thông qua môi trường lao động sản xuất. Mối quan hệ đó còn thể hiện ở cách ứng xử coi thiên nhiên như người bạn gần gũi, lấy đặc điểm, đặc tính của sự vật hiện tượng đẹp trong thiên nhiên để ví von so sánh với những đặc điểm, đặc tính của con người tạo nên sự hài hòa, đẹp đẽ giữa con người với thiên nhiên, đem lại giá trị nghệ thuật độc đáo trong việc diễn tả cảm xúc, tâm trạng con người một cách cụ thể.

Thể thơ trong dân ca Giẻ Triêng không cố định ở một dạng cụ thể nào mà có sự thay đổi câu, chữ trong từng bài, từng tiểu loại. Đặc điểm này chi phối số câu, số tiếng và cách gieo vần, ngắt nhịp trong từng tiểu loại dân ca. Trong dân ca giao duyên, những câu hát đối đáp giữa nam - nữ thông thường theo thể 5 chữ, có bài theo thể 7 chữ, thậm chí trong cùng một bài có dòng 5/7 tiếng, có dòng 5/8 tiếng, có dòng 6/7 tiếng, 7/8 tiếng... Tuy nhiên, trong khi hát người Giẻ Triêng ít chú ý đến việc dùng thể thơ mà chủ yếu hát để bộc bạch, giải bày những tâm tư tình cảm của mình, gắn với chức năng thực hành nghi lễ và đặc điểm diễn xướng bài ca. Vì vậy, trong dân ca Giẻ Triêng gần giống với một câu chuyện tự sự nhất là những bài dân ca nghi lễ.

Cách gieo vần trong dân ca Giẻ Triêng cũng khá thú vị. Âm cuối của câu trước hiệp với âm thứ hai, thứ ba hoặc âm thứ tư của câu sau, đây là hiện tượng phổ biến trong dân ca Giẻ Triêng. Cách gieo vần này gần giống như cách gieo vần lưng giãn cách.

Oh au ôi oh (Em hỡi ơi em)
Ngay dōh ngay mra (Sáng ngày mai mốt)
Khul tẻ au toi th'ên (Gia đình chê tôi nghèo)
*Ku xu đẹ **chắc** (Một xu không có)*
*Ku **cắc** đẹ chêng (Một hào cũng không)*

Cách gieo vần lưng giãn cách ở các vị trí khác nhau nhằm nhấn mạnh đặc điểm, tính chất của đối tượng được đề cập trong bài ca, đồng thời các câu trong bài ca hiệp vần như nhấn mạnh cảm xúc nhân vật trữ tình. Bên cạnh, cách gieo vần lưng giãn cách dân ca Giẻ Triêng còn xuất hiện cách gieo vần chân.

H néch au lờn lờn (Thân tôi vẫn trắng hồng)
*Xé la đũa au chứ tắk **nâr** (Tối nay tôi về đập phen nứa)*
*H néch au lâr **lâr** (Thân tôi vẫn trắng muốt)*
Xé la đũa au chứ tắk pah (Đêm nay tôi về đập sàn ván)
Nham au pat nahh nham (Khóc tôi vẫn cứ khóc)
*Dăm chiu tẹo pah ộ xò **xó** (Anh đã theo mấy mẹ không chồng)*
*Nhó au pat nahh **nhó** (Nhớ tôi vẫn cứ nhớ)*
Dăm chiu tẹo pal ja ngọt ngọt (Anh đã theo mấy bà quá lứa)

Ngoài ra, một số bài còn có sự kết hợp cả vần chân và vần lưng giãn cách. Sự khéo léo kết hợp vần chân và vần lưng giãn cách tạo nên âm hưởng mượt mà, duyên dáng cho

lời bài hát giúp người nghe dễ thuộc, dễ nhớ từ đó tạo nên sức hấp dẫn riêng của dân ca Giẻ Triêng.

III. Kết luận

Trong quá trình hình thành và phát triển, dân tộc Giẻ Triêng là một tộc người còn bảo lưu nhiều yếu tố văn hóa vật thể và phi vật thể phản ánh rõ nét đặc trưng của cư dân Bắc Tây Nguyên và Nam Trường Sơn. Nhiều nỗ lực để bảo tồn và phát huy văn hóa của tộc người Giẻ Triêng đã được thực hiện nhưng chưa xứng tầm và còn nhiều hạn chế. Riêng mảng văn học dân gian vẫn còn quá nhiều điều mới lạ để khảo sát, nghiên cứu, nhất là sử thi, truyện cổ và dân ca.

Trong quá trình điền dã, sưu tầm, chúng tôi nhận thấy, dân ca về tình yêu nam nữ của người Giẻ Triêng khá nhiều về số lượng, phong phú về nội dung và có nhiều nét đặc trưng riêng từ hình thức, không gian diễn xướng, đến ngôn ngữ, thể thơ.

Về nội dung, tình yêu nam nữ trong dân ca Giẻ Triêng thể hiện với nhiều cung bậc: Từ niềm vui hẹn hò, gặp gỡ với khát vọng về một tình yêu chân thành, bền lâu; đến nỗi nhớ nhung khi xa cách và nỗi buồn khi tình yêu tan vỡ. Hòa quyện trong những cung bậc cảm xúc này là những quan niệm, luật tục khá độc đáo trong tình yêu và hôn nhân của người Giẻ Triêng. Những quan niệm, luật tục đó được hình thành từ ngàn xưa và tồn tại mãi đến hôm nay. Trong đó, có những quan niệm hết sức nhân văn, mang nét hiện đại như quan niệm về bình đẳng giới, quan niệm tự do trong tình yêu, hôn nhân và có những luật tục đáng được lưu giữ như tục “*cồng cũi cưới chồng*”, tục “*giao ước*” trong hôn nhân,... Bên cạnh đó cũng có những luật tục mang tính hủ tục, cần được điều chỉnh cho phù hợp như luật tục về “*giấc mơ phong tục*”, quan niệm về giàu nghèo trong tình yêu và hôn nhân,...

Về nghệ thuật, dân ca Tây Nguyên nói chung, dân ca về tình yêu nam nữ của người Giẻ Triêng nói riêng chỉ biểu hiện đầy đủ khi được “sống” ở môi trường mà ở đó có thể là trong không gian núi rừng hùng vĩ, kỳ bí, trên ngôi nhà sàn với ánh lửa bập bùng, hay bên chén rượu cần cùng với các dụng cụ âm nhạc truyền thống. Tuy vậy, bài viết cũng đã cố gắng tìm hiểu khái quát về hình thức, không gian diễn xướng, về ngôn ngữ, thể thơ và cách gieo vần với dụng ý để bổ trợ thêm cho nét đặc trưng về nghệ thuật của dân ca Giẻ Triêng.

Dụng công nghiên cứu, khảo sát một phần dân ca của người Giẻ Triêng đã đem lại nhiều điều khá mới mẻ và thú vị. Bên cạnh dân ca về nghi lễ, phong tục, dân ca về tình yêu đôi lứa, dân ca sinh hoạt cộng đồng mang tính truyền thống, đặc biệt còn có những bài dân ca ca ngợi về Đảng về Bác Hồ và cách mạng. Những vấn đề này xin được trình bày ở một dịp khác.

Tài liệu tham khảo

1. Chu Xuân Diên (2001), *Văn hóa dân gian, mấy vấn đề về phương pháp luận và nghiên cứu thể loại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Hà Minh Đức (chủ biên), (2000), *Lý luận văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Ngân, Tô Thị Thu Trang (2009), *Tìm hiểu văn hóa người Giẻ Triêng, Brâu*, NXB VHDT, HN.
4. Sở VH TT & DL Kon Tum (2012), *Tư liệu dân ca Giẻ Triêng*.
5. Tỉnh ủy Kon Tum (2013), *Kon Tum 100 năm lịch sử và phát triển*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Phạm Thu Yên (1999), *Vấn đề nghiên cứu biểu tượng thơ ca dân gian*, Tạp chí văn học số 4.